

Vietnam Daily Review

Giảm điểm đầu tuần

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/5/2022	•		
Tuần 23/5-27/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường duy trì đà giảm từ lúc mở cửa phiên sáng cho đến hết phiên chiều, tuy có chút khựng lại ở thời điểm giữa ngày. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/19 ngành giảm điểm trong phiên hôm nay, nhóm VN30 chỉ có duy nhất 1 mã đóng cửa trong sắc xanh. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Tại những phiên tăng điểm trước đó, thanh khoản thấp và liên tục gặp lực cản ở ngưỡng quanh vùng 1240 nên việc hôm nay VN-Index lùi về vùng quanh ngưỡng 1220 là điều có thể dự đoán được. Trong những phiên tới, chỉ số buộc phải vượt qua ngưỡng 1240 với thanh khoản lớn ủng hộ đà tăng thì mới có cơ hội chinh phục những ngưỡng kháng cự tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên xem xét short các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/05/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-21.9** điểm, đóng cửa **1218.81** điểm. HNX-Index **-6.36** điểm, đóng cửa **300.66** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BVH (+0.12)**, **DCM (+0.10)**, **BHN (+0.09)**, **PGV (+0.09)**, **IDI (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.44)**, **VPB (-1.42)**, **BCM (-1.22)**, **MSN (-1.16)**, **VCB (-1.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12.035 tỷ đồng, tăng **4.41%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13.333 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 38.59 điểm. Thị trường có **91** mã tăng, 48 mã tham chiếu và **358** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-439.11** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-154.55 tỷ)**, **VIC (-80.30 tỷ)**, **VNM (-49.54 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.49** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1218.81**
Giá trị: 12035.07 tỷ **-21.9 (-1.77%)**
Khối ngoại (ròng): -439.11 tỷ

HNX-INDEX **300.66**
Giá trị: 1641.22 tỷ **-6.36 (-2.07%)**
Khối ngoại (ròng): -3.49 tỷ

UPCOM-INDEX **93.63**
Giá trị: 8.9 tỷ **-0.48 (-0.51%)**
Khối ngoại(ròng): 83.2 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	111.3	0.89%
Giá vàng	1,863	0.91%
Tỷ giá USD/VND	23,166	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	24,718	1.12%
Tỷ giá JPY/VND	18,148	0.28%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	8.32%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	82.6	SSI	-154.6
DCM	51.2	VIC	-80.3
DPM	44.7	VNM	-49.5
BCG	22.0	HPG	-47.7
HDB	20.8	VHM	-47.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

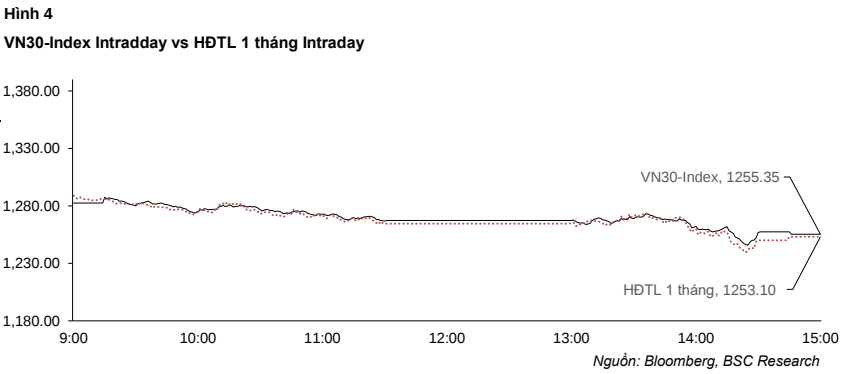
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	33.3	4	6.05%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	35.3	5	0.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	0	3.45%	0.00%	3.45%	5
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.17%	-7.57%	4.25%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1283.50	0.20%	28.15	-24.8%	309,742	5/19/2022	0
VN30F2206	1253.10	-1.86%	-2.25	2.4%	324,733	6/16/2022	26
VN30F2209	1240.00	-2.67%	-15.35	-5.0%	153	9/15/2022	117
VN30F2212	1244.90	-1.45%	-10.45	93.5%	60	12/15/2022	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -27.16 điểm xuống 1255.35 điểm. Các cổ phiếu như VPB, HPG, STB, TCB, MSN đã tác động đến nhịp vận động giảm của VN30. Xu hướng giảm mạnh với thanh khoản thấp khiến thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục giảm.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm nhẹ theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2205 và VN30F2209 giảm, các HĐ VN30F2206 và VN30F2212 tăng. Xét về vị thế mở, cũng tương tự KLGD khi các HĐ VN30F2205 và VN30F2209 giảm, các HĐ VN30F2206 và VN30F2212 tăng. Các nhà đầu tư nên xem xét short các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2203	7/15/2022	53	16:1	27,800	35.47%	1,000	480	9.09%	118	4.07	48,888	28,888	29,300
CVIC2202	8/15/2022	84	16:1	20,300	25.52%	1,100	600	0.00%	137	4.37	110,222	82,222	77,400
CMWG2201	9/20/2022	120	10:1	70,900	30.89%	2,600	1,820	0.00%	841	2.16	157,600	134,500	130,800
CVIC2205	10/20/2022	150	16:1	2,000	25.52%	1,100	750	0.00%	146	5.13	105,706	86,666	77,400
CPOW2201	7/15/2022	53	5:1	199,600	49.95%	1,000	200	0.00%	22	9.28	42,666	16,666	12,750
CVIC2206	9/19/2022	119	10:1	4,900	25.52%	1,900	870	-2.25%	292	2.98	107,500	82,500	77,400
CVIC2204	8/22/2022	91	16:1	40,900	25.52%	1,000	620	-3.13%	127	4.89	101,093	83,333	77,400
CFPT2203	8/1/2022	70	4:1	811,400	28.65%	3,800	2,450	-3.92%	1,500	1.63	100,720	95,000	96,500
CVNM2205	10/20/2022	150	16:1	165,400	21.26%	1,000	620	-4.62%	32	19.36	143,839	79,999	66,300
CHPG2208	10/7/2022	137	5:1	373,500	32.92%	2,500	1,070	-5.31%	390	2.75	40,700	40,000	36,750
CVRE2207	10/20/2022	150	8:1	89,800	38.72%	1,000	470	-6.00%	128	3.67	40,213	33,333	27,350
CVHM2205	8/15/2022	84	16:1	437,100	26.43%	1,000	310	-6.06%	29	10.70	85,608	78,888	66,700
CVPB2204	11/15/2022	176	16:1	8,000	35.47%	1,000	750	-6.25%	155	4.85	48,328	30,888	29,300
CNVL2204	9/20/2022	120	16:1	818,100	24.02%	1,000	560	-6.67%	89	6.27	102,639	85,999	76,400
CVHM2207	10/19/2022	149	8:1	13,000	26.43%	2,000	1,300	-7.14%	326	3.99	84,600	73,000	66,700
CHDB2205	10/20/2022	150	5:1	105,100	38.40%	1,000	720	-7.69%	294	2.44	27,861	27,111	24,200
CNVL2202	8/15/2022	84	16:1	469,500	24.02%	1,000	500	-9.09%	147	3.41	87,839	79,999	76,400
CFPT2202	6/24/2022	32	10:1	344,300	28.65%	1,700	1,130	-9.60%	795	1.42	97,200	89,700	96,500
CVNM2203	8/15/2022	84	20:1	73,000	21.26%	1,000	280	-12.50%	4	65.50	116,111	81,111	125,000
CVNM2204	10/7/2022	137	10:1	341,000	21.26%	1,500	680	-13.92%	151	4.51	84,100	73,000	66,300
Tổng				4,387,800	29.40%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/05/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CVRE2202 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 181.69% và 33.33%. Giá trị giao dịch giảm -13.57 %, CFPT2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.83 % thị trường.
- CPNJ2201, CFPTG2203, CHDB2205, và CFPT2202 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2203, CFPT2201, CNVL2203 và CVHM2115 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2202 và CFPT2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	130.8	-2.4%	0.7	4,163	3.1	7,030	18.6	4.3	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	104.5	-1.4%	0.7	1,101	1.9	5,443	19.2	3.2	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	50.8	1.2%	1.3	1,640	3.1	2,557	19.9	1.7	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	49.0	0.2%	0.6	499	0.1	3,644	13.4	1.5	58.2%	11.1%
VIC	Bất động sản	77.4	-0.5%	0.5	12,835	8.9	(578) N/A	N/A	2.8	12.6%	-2.4%
VRE	Bất động sản	27.4	0.0%	1.1	2,702	2.7	401	68.2	2.0	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	66.7	-0.1%	0.8	12,628	8.4	8,786	7.6	2.2	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	25.3	-6.1%	1.5	668	8.5	1,503	16.8	1.7	31.1%	11.3%
SSI	Chứng khoán	26.5	-6.9%	1.6	1,144	36.5	3,023	8.8	1.8	36.8%	22.6%
VCI	Chứng khoán	35.3	-4.9%	1.0	511	9.7	4,884	7.2	1.6	19.6%	26.9%
HCM	Chứng khoán	21.5	-6.9%	1.6	427	4.7	2,619	8.2	1.3	42.3%	17.9%
FPT	Công nghệ	96.5	-1.0%	0.9	3,836	4.8	5,152	18.7	4.6	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	70.2	0.3%	0.4	1,002	0.0	4,926	14.3	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	103.5	-1.0%	1.0	8,613	2.5	5,109	20.3	3.6	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.3	-0.6%	1.5	2,224	1.9	1,950	20.6	2.0	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	27.9	1.5%	1.6	580	13.9	1,408	19.8	1.1	9.1%	5.5%
BSR	Dầu khí	24.1	3.0%	0.8	3,249	10.9	2,108	11.4	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	90.5	-0.5%	0.3	514	0.0	6,105	14.8	3.3	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	55.0	-0.9%	1.2	936	10.7	12,920	4.3	1.8	13.5%	50.2%
DCM	Hóa chất	33.3	2.1%	1.2	766	11.0	5,643	5.9	2.0	8.2%	38.9%
VCB	Ngân hàng	74.4	-1.2%	0.9	15,309	2.0	4,855	15.3	3.0	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	33.4	-3.3%	1.2	7,335	1.5	2,266	14.7	1.9	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	25.0	-3.5%	1.5	5,224	4.7	2,558	9.8	1.2	26.0%	13.0%
VPB	Ngân hàng	29.3	-4.2%	1.2	5,663	14.4	3,874	7.6	1.5	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	26.3	-2.6%	1.3	4,320	7.2	3,623	7.3	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	28.5	-2.1%	1.1	3,342	1.5	3,852	7.4	1.6	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	55.4	1.1%	0.7	197	0.1	3,150	17.6	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	44.6	-2.0%	0.5	228	0.1	3,990	11.2	1.8	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	21.0	0.0%	1.4	1,004	0.2	178	118.0	1.6	10.1%	1.4%
HPG	Thép	36.8	-2.4%	1.1	7,147	16.5	7,443	4.9	1.7	21.6%	40.4%
HSG	Thép	21.2	-1.6%	1.4	454	7.2	7,157	3.0	0.9	6.8%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	66.3	-2.6%	0.6	6,025	5.9	4,390	15.1	4.3	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	154.1	-1.5%	0.8	4,297	0.7	5,969	25.8	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	104.5	-3.1%	1.1	6,436	3.2	7,041	14.8	5.4	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.0	-0.9%	1.5	438	1.1	1,144	14.0	1.2	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	85.6	0.1%	0.8	8,102	0.1	363	236.0	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.0	-0.2%	1.1	2,944	3.5	361	345.8	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	17.9	-3.0%	1.7	1,719	1.5	(6,783) N/A	N/A	26.5	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	50.5	1.4%	1.0	662	2.6	2,256	22.4	2.3	45.0%	10.8%
PVT	Vận tải	19.5	0.5%	1.4	274	2.0	2,088	9.3	1.2	11.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.7	-2.5%	0.8	603	0.3	10,540	8.2	2.7	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.8	-5.9%	0.8	717	2.3	3,677	10.0	2.1	4.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	-2.1%	1.1	266	0.4	783	20.5	1.2	2.0%	5.6%
CTD	Xây dựng	46.5	-2.8%	1.3	149	0.7	(27) N/A	N/A	0.4	45.0%	0.0%
CII	Xây dựng	20.8	0.0%	1.3	228	9.0	1,266	16.4	1.0	11.0%	6.1%
REE	Điện	73.5	-3.5%	-1.4	1,136	2.5	5,994	12.3	1.9	49.0%	16.7%
PC1	Điện	32.6	-2.4%	-0.4	333	1.1	3,238	10.1	1.6	5.1%	16.9%
POW	Điện	12.8	-0.4%	0.6	1,298	6.0	859	14.9	1.0	2.1%	6.9%
NT2	Điện	21.7	-0.2%	0.7	271	0.5	1,933	11.2	1.4	13.9%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	41.0	0.0%	1.5	1,026	4.0	1,154	35.5	1.6	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	71.1	-6%	0.9	3,200	0.7	1,190	59.7	4.4	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	50.80	1.20	0.11	1.40MLN
DCM	33.30	2.15	0.09	7.56MLN
BHN	55.50	2.78	0.09	2100
PGV	29.30	1.03	0.09	1400
IDI	20.75	6.96	0.08	4.70MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	0.00	-1.49	11.05MLN	1.11MLN
BID	0.00	-1.48	1.00MLN	607060
BCM	-0.01	-1.29	226800	373600
MSN	0.00	-1.19	700700	192700
CTG	0.00	-1.10	4.21MLN	611640

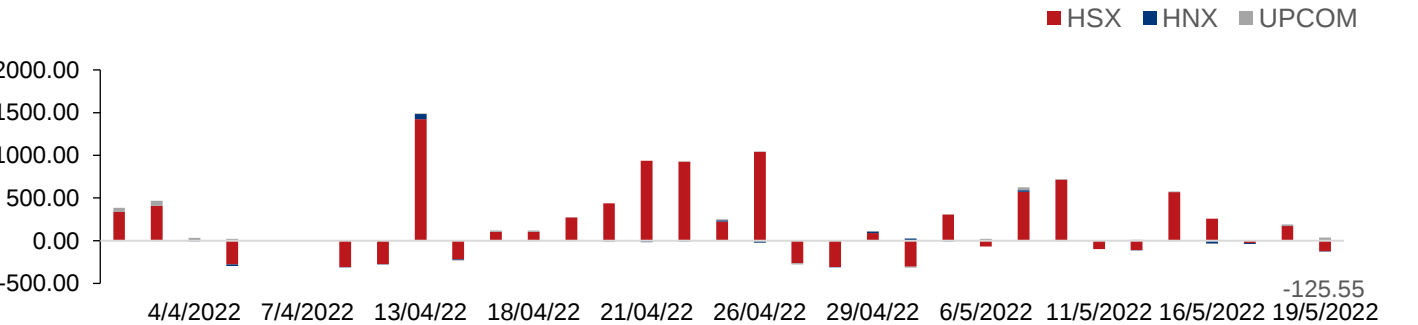
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDI	20.75	6.96	0.08	4.70MLN
NBB	19.30	6.34	0.03	2.03MLN
COM	61.20	6.25	0.01	5000
EMC	24.00	6.19	0.01	11200
ABT	42.40	4.69	0.01	2200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDC	54.70	-6.97	-0.09	1.60MLN
DIG	54.80	-6.96	-0.52	9.67MLN
HCM	21.50	-6.93	-0.19	4.86MLN
CVT	41.70	-6.92	-0.03	17700
SMA	9.96	-6.92	0.00	400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	96.5	5,152	18.7	4.6	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.9	2,466	11.7	1.9	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	30.0	11,559	2.6	1.1	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.8	859	14.9	1.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	104.5	5,443	19.2	3.2	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	130.8	7,030	18.6	4.3	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.5	2,088	9.3	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	214.6	18,902	11.4	5.0	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	36.8	7,443	4.9	1.7	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	41.0	1,154	35.5	1.6	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	28.1	5,084	5.5	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	25.3	1,503	16.8	1.7	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	108.2	8,596	12.6	4.8	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	42.4	2,136	19.9	2.1	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.6	2,917	9.5	1.8	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	90.5	8,331	10.9	2.6	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.5	1,941	15.7	1.4	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.0	3,644	13.4	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	27.9	1,408	19.8	1.1	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	103.5	5,109	20.3	3.6	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	20.9	3,141	6.6	1.4	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	46.5	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.7	1,701	8.6	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.9	1,350	8.8	0.5	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.9	1,350	8.8	0.5	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.1	2,433	5.8	1.1	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.5	5,443	19.2	3.2	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.5	5,443	19.2	3.2	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	130.8	7,030	18.6	4.3	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	47.7	2,762	17.3	3.4	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	45.5	1,900	24.0	2.0	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	24.1	2,108	11.4	2.0	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	17.6	1,034	17.0	1.0	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	90.5	8,331	10.9	2.6	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	31.0	2,916	10.6	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.1	689	19.0	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	23.2	2,054	11.3	1.1	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	43.1	3019.9	14.3	1.7	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.7	1,933	11.2	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	103.5	5,109	20.3	3.6	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	30.0	11,559	2.6	1.1	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	40.9	1,878	21.8	2.5	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	66.3	4,390	15.1	4.3	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	96.5	5,152	18.7	4.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	27.4	401	68.2	2.0	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	214.6	18,902	11.4	5.0	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	34.0	6,244	5.4	1.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639